

Số: 19 /TB-HĐQT

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Mã chứng khoán: CLH

Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên,
Việt Nam

Điện thoại: 0208 3829154 Fax: 0208 3829056

Địa chỉ Website: ximanglahien.com.vn

Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường Yêu cầu Khác

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Báo cáo thường niên năm 2024.

(Có báo cáo chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu HĐQT;VT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN *Năm báo cáo: Năm 2024*

Thái Nguyên, tháng 3/2025

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
4. Định hướng phát triển	8
5. Các rủi ro	12
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023	16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2. Tổ chức và nhân sự	19
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	23
4. Tình hình tài chính	24
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	27
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	33
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	33
2. Tình hình tài chính	38
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	41
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	41
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	43
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của cty	43
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	45
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	45
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	45
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	46
V. Quản trị công ty	49
1. Hội đồng quản trị	49
2. Ban Kiểm soát	58
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	66

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: **120.000.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.300.885.591 đồng
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.829.156
- Số fax: 02083.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CLH
- Quá trình hình thành và phát triển (*ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay*).

* **Việc thành lập:**

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-TCCB-LĐ ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên VVMI.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 bàn giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu

tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

*** Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ngày 22 tháng 04 năm 2016 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 252/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CLH.

- Ngày 07/06/2016 mã chứng khoán CLH chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên sàn HNX.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

*** Giới thiệu về công ty:**



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ**

Tên viết tắt: **LHC**

Tên tiếng Anh: **VVMÍ LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**

Biểu tượng của công ty:



Trụ sở chính của công ty: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên.

*** Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phấn đấu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu rằng:

“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HƯNG THỊNH CỦA CÔNG TY”

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao trình độ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

- Các sự kiện khác trong năm 2024.

+ Ngày 15/02/2024 Công ty tổ chức buổi lễ ra quân bán hàng đầu xuân trong không khí sôi nổi, khởi sắc cho hoạt động kinh doanh của năm tiếp theo.



+ Hàng năm Công ty đều tổ chức Hội nghị tri ân khách hàng nhằm gìn giữ và tạo sự gắn kết giữa Công ty với các bạn hàng.

+ Ngày 10/04/2024 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.



+ Ngày 21 tháng 12 năm 2024 Công ty tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD, an toàn vệ sinh lao động năm 2024 và mở Hội nghị người lao động năm 2025.



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, clinker;
- Khai thác đá vôi, đất sét;

2.2. Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

- Trong năm Công ty bán hàng cho ~ 150 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh... và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3.1. Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và 03 phó Giám đốc phụ trách các công việc được phân công, uỷ nhiệm giải quyết công việc theo lĩnh vực quản lý.

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.

- Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Giám đốc và các Phó Giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

*** Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần để thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) của Công ty.

*** Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HDQT. HDQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

HDQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước các cổ đông, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

*** Bộ máy điều hành:**

Đứng đầu bộ máy điều hành là ủy viên HDQT kiêm Giám đốc Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc phụ trách từng lĩnh vực.

Hiện nay theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu sắp xếp thu gọn giảm các đầu mối quản lý, Công ty duy trì 06 phòng và 04 phân xưởng. Các phòng ban, phân xưởng đều có mối quan hệ gắn kết với nhau nhằm hỗ trợ trong việc thực hiện các công việc để hoạt động SXKD của Công ty luôn được thông suốt.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết)

Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

Với mục tiêu tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty, xây dựng Công ty trở thành một tập thể

vững mạnh, có uy tín thương hiệu tại các vùng thị trường; tạo lập một văn hóa doanh nghiệp có bản sắc riêng; xây dựng một hình mẫu về phát triển theo chiều sâu trong đầu tư, sản xuất và thương mại, Công ty đã đề ra những mục tiêu, chiến lược nhằm giúp xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tiếp tục duy trì và phát huy các mục tiêu đã đề ra:

- Sản xuất kinh doanh theo tiêu chí: **An toàn – Năng suất – Chất lượng – Hiệu quả**

- Phát huy cao tinh thần “**Kỷ luật – đồng tâm**”
- Hòa hòa lợi ích của các Cổ đông và Người lao động
- Khách hàng là số 1
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;
- Sản xuất xi măng thân thiện với môi trường là trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội;
- Tiếp tục đầu tư theo hướng mở rộng, cải tiến công nghệ, tăng năng suất;
- Ứng dụng cuộc cách mạng công nghệ 4.0 sâu rộng nhất;
- Sử dụng các loại chất thải làm nguồn nguyên liệu;
- Thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

*** Chiến lược về sản phẩm và thị trường:**

Sản phẩm và thị trường của Công ty đặc biệt quan trọng, nó quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty, do đó việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu. Để hoạt động này đáp ứng được các yêu cầu Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định và phát triển; giữ vững và xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu uy tín trên thị trường.
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.

- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời; phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

*** Chiến lược đầu tư công nghệ:**

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.

- Nghiên cứu các phương án để cải tạo nâng cao công suất dây chuyền 700 nghìn tấn/năm; đề ra các giải pháp thay thế dần các thiết bị, cụm thiết bị lạc hậu sử dụng nhiều lao động, năng suất thấp, tiêu hao lớn, độ chính xác thấp... bằng các thiết bị tiên tiến, tự động hóa cao để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất đảm bảo sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.

- Nghiên cứu sử dụng vào sản xuất các vật liệu có sẵn trên địa bàn có giá thành rẻ, các vật liệu là sản phẩm phụ, là phế thải của các nhà máy có giá mua thấp để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

*** Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

*** Chiến lược nhân sự:**

- Tiếp tục cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ, bổ sung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.

- Tuyển dụng lao động trẻ, có trình độ chuyên môn tốt để đào tạo kế cận, thay thế. Có chính sách đãi ngộ tốt đối với lao động chất lượng và có tâm huyết trong việc xây dựng và phát triển của Công ty.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty. Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ tốt trong các phòng ban Công ty.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi. Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

- Tăng cường đổi mới trong cách thức quản trị doanh nghiệp; lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chí hàng đầu trong chiến lược kinh doanh.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

*** Đối với môi trường:**

- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục, phòng ngừa những ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Giảm phát thải khí nhà kính theo các chương trình mục tiêu quốc gia, ngành, lĩnh vực hoạt động.

- Cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ giúp giảm tiêu hao năng lượng, nhiên liệu hóa thạch.

- Triển khai các biện pháp khoa học, công nghệ trong sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu về môi trường theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khí thải, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý các chất thải rắn phát sinh đúng các quy định trong Quy trình xử lý chất thải.

- Kiểm tra, đánh giá tác động của dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, đá, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Tổ chức các phong trào xanh, sạch, đẹp, làm vệ sinh, trồng bổ sung cây xanh quanh nhà máy và các khu đất trống; thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.



*** Đối với xã hội và cộng đồng:**

Hưởng ứng tích cực thông điệp của Thủ tướng Chính phủ “Không để người dân nào bị bỏ lại phía sau” Công ty đã rất tích cực trong các hoạt động:

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.

- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, giúp đỡ các gia đình chính sách, người nghèo, đóng góp để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,....)

Công ty có thể bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh bởi các rủi ro sau:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

*** *Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP):***

Năm 2024, kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Xung đột giữa Nga - Ukraine vẫn tiếp diễn, trong khi xung đột mới bùng phát ở Trung Đông trong các tháng cuối năm 2024; tình trạng thời tiết cực đoan diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai ở nhiều quốc gia làm cho sản xuất và tiêu dùng mất cân đối.

Tăng trưởng GDP cả năm 2024 của Việt Nam đạt khoảng 7,09% bởi 3 động lực tăng trưởng đầu tư, xuất khẩu và tiêu dùng đang được thúc đẩy và có chiều hướng thuận lợi hơn. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, Việt Nam bước vào thực hiện kế hoạch, mục tiêu năm 2025 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức ở phía trước cần được nhận diện và có những giải pháp tháo gỡ kịp thời để tạo đà cho nền kinh tế bứt phá trong thời gian tới.

*** *Bức tranh toàn cảnh ngành xi măng trong năm 2024:***

Năm 2024 là năm khó khăn của ngành xi măng Việt Nam, đến từ nội tại ngành do nguồn cung vượt quá so với nhu cầu (tổng công suất lên đến 122 triệu tấn/năm. Chỉ khoảng 59 triệu tấn được tiêu thụ nội địa) dẫn đến lượng tồn kho ngày càng tăng, gây áp lực lớn cho các nhà sản xuất; thị trường xuất khẩu xi măng gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài như: Thuế xuất khẩu clinker tăng từ 5% lên 10%, cùng với các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe tại thị trường quốc tế, đã làm giảm khả năng cạnh tranh của xi măng Việt Nam. Các doanh nghiệp xi măng đang nỗ lực tái cấu trúc, hướng tới sản xuất xanh, tiết kiệm tài nguyên, hy vọng năm mới 2025, bức tranh có thêm nhiều gam màu tươi sáng hơn.

Bên cạnh đó, các yếu tố bất khả kháng liên quan đến giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất xi măng, mặc dù đã giảm, nhưng vẫn ở mức cao. Giai đoạn này, ngành xi măng đang chịu áp lực lớn, khi khả năng hấp thụ xi măng của nền kinh tế trong nước kém. Giá điện, than và các nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đều tăng.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo việc đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại.

Theo các yếu tố ảnh hưởng trên, xi măng La Hiên cũng không thể nằm ngoài những tác động ảnh hưởng đó và cũng sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty.

*** *Rủi ro tín dụng:***

Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình mà chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng chưa được thu hồi mà Công ty thường xuyên theo dõi.

*** *Lạm phát:***

Nhờ những chính sách quyết liệt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ mà lạm phát của Việt Nam trong những năm gần đây tăng ở mức thấp nhưng các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: chi phí điện, than,... lại có xu hướng gia tăng, phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

*** *Lãi suất:***

Một doanh nghiệp khi huy động vốn vay từ bên ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ chịu rủi ro khi lãi suất thị trường tăng hoặc giảm. Vì vậy, diễn biến tăng giảm lãi suất sẽ có tác động ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** *Tỷ giá hối đoái:***

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và biến động của tỷ giá hối đoái dẫn đến những tác động bất lợi cho doanh nghiệp.

5.2. *Rủi ro về luật pháp:*

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật mới trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần niêm yết, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác đến lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Là quốc gia đang phát triển, đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường nên hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung, dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù:

*** Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào:**

Những nguyên, nhiên vật liệu đầu vào quan trọng trong sản xuất xi măng của Công ty bao gồm: Đá vôi, đất sét, đất Cao silic, phụ gia giàu sắt, than, dầu, thạch cao, đá phụ gia xi măng ...

- Rủi ro về nguồn cung: Về nguyên liệu đá vôi và đất sét Công ty có lợi thế sở hữu mỏ đá vôi và đất sét nên chủ động được nguồn cung cho sản xuất, tuy nhiên với các nguyên, nhiên vật liệu còn lại thì trong thực tế sản xuất có phát sinh các rủi ro về nguồn cung, khi có sự thay đổi về cơ chế chính sách của nhà nước, đặc biệt là các nguyên nhiên vật liệu không có sẵn trên địa bàn. Để giải quyết vấn đề này, trong năm qua Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ tốt với bạn hàng nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

- Rủi ro theo biến động giá thị trường: Do tác động của cơ chế chính sách của nhà nước, biến động về giá điện, giá than, giá dầu...

*** Rủi ro cạnh tranh:**

Vị trí công ty nằm trong khu vực có mật độ tập trung các nhà máy xi măng (tỉnh Thái Nguyên hiện có 05 Nhà máy xi măng) do đó tình trạng cung vượt cầu rất lớn dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa, đẩy mặt bằng giá xuống thấp. Tuyến đường vận chuyển độc địa bằng đường bộ, nhỏ hẹp, lưu lượng xe lớn làm tăng chi phí cho việc vận chuyển tiêu thụ sản phẩm và cung cấp vật tư đầu vào.

Ngoài ra, trong thời gian tới, công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm xi măng nước ngoài khi Việt Nam mở cửa theo các hiệp định thương mại quốc tế như Hiệp định Thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),...

5.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu:

Cổ phiếu của Công ty khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu khi niêm yết là điều khó tránh khỏi; giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng

khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5.5. Rủi ro về môi trường:

Quá trình sản xuất clinker và xi măng tại các nhà máy xi măng trên toàn thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức, liên quan tới việc thải ra khối lượng khí thải, bụi vào môi trường sống. Sự ô nhiễm do quá trình sản xuất xi măng đang buộc chúng ta phải có những thay đổi tích cực mà mục tiêu không gì khác là bảo vệ môi trường. Do vậy sẽ rất rủi ro cho hoạt động của Công ty khi chưa đầu tư hoặc không thể đầu tư được các hệ thống công nghệ, thiết bị để xử lý khí thải, bụi theo tiêu chuẩn giới hạn quy định.

5.6. Rủi ro khác:

Ngoài những rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy nhiên ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Thiên tai, dịch bệnh, bão lớn, hỏa hoạn, động đất, lũ quét ... có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giảm sản lượng hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất đối với Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: *Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...*

Trong năm 2024 vừa qua, ngành xi măng Việt Nam trải qua một năm đầy khó khăn, tình hình sản xuất và tiêu thụ xi măng do nguồn cung vượt quá so với nhu cầu nên dẫn tới cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong bối cảnh các đơn vị sản xuất xi măng đứng trước áp lực phải tiêu thụ sản phẩm, nhiều đơn vị phải thực hiện dừng lò nung/giảm năng suất chạy lò ...

Tiêu thụ xi măng chững lại do chu kỳ đi xuống của thị trường bất động sản, cộng với việc giải ngân vốn đầu tư các công trình công còn chậm nên hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xi măng bị ảnh hưởng đáng kể.

Việc dư thừa cung cùng với những biến động của thị trường năm 2024 là một năm đầy khó khăn của ngành xi măng Việt Nam, Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những yếu tố trên.

Tuy nhiên, với nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo cùng cán bộ công nhân viên của Công ty, trong năm 2024, Công ty đã tích cực triển khai thực hiện

kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra, Công ty cũng luôn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Sử dụng nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả, chi phí tài chính giảm 28,73% so với cùng kỳ năm 2023.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, trong năm đã hạn chế xảy ra sự cố đột xuất trong sản xuất. Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia giúp hạ giá thành sản phẩm.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.

Năm 2024 là năm Công ty phải trải qua những khó khăn, thách thức rất lớn, Nhưng với sự đoàn kết, không ngừng phấn đấu, năng động sáng tạo của tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã chủ động tích cực vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể, tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao, tận dụng những cơ hội, khắc phục được những khó khăn để hoàn thành mục tiêu lợi nhuận kế hoạch đề ra. Quyền lợi của cổ đông và người lao động đều được đảm bảo.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề

* Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/2023	% TH/KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	628.999,04	670.000	659.476,47	104,8	98,43
1	Xi măng	Tấn	606.723,43	650.000	644.924,11	106,3	99,2
2	Clinker thương phẩm	Tấn	439.295,91	482.230	450.691	102,7	93,46
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	628.999,04	670.000	659.476,47	104,8	98,43
-	Xi măng	Tấn	606.723,43	650.000	644.924,11	106,3	99,2
-	Clinker thương phẩm	Tấn	22.275,61	20.000	14.552,36	65,3	72,8
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	665.008,99	680.631,66	666.046,34	100,2	97,86
-	Xi măng	Tr.đ	642.669,76	661.359,17	649.098,63	101,0	98,15
-	Clinker thương phẩm	Tr.đ	16.009,52	13.272,73	9.705,50	60,6	73,12
-	Doanh thu, thu nhập	Tr.đ	6.329,71	5.999,76	7.242,21	114,4	120,7

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/2023	% TH/KH
	khác						
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	60.232,92	40.000	48.504,79	80,5	121,26
D	Cổ tức (dự kiến)	%	26	15	23	88,46	153,33
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	39.860	33.523	36.025	88,6	107,5
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động bình quân	Người	524	505	475	90,6	94,1
2	Tiền lương bq theo LĐ bình quân	Đ/n/th	12.740.300	11.221.000	14.476.354	113,6	129

* Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:

- Do biến động của thị trường, năm 2024 tiêu thụ xi măng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều giảm do chịu tác động từ suy giảm kinh tế, giải ngân đầu tư công chậm và nội tại ngành dư thừa công suất, các công trình, dự án cũng bị đình trệ triển khai, thậm chí phải giãn, hoãn tiến độ khi gặp khó khăn về nguồn vốn, giải ngân vốn đầu tư công chưa thuận lợi. Cùng đó, thị trường bất động sản dự báo tiếp tục trầm lắng và tăng trưởng âm, thị trường xi măng tiếp tục mất cân đối, nguồn cung vượt cao so với nhu cầu đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của xi măng La Hiên, sản lượng tiêu thụ đạt 98,4% so với kế hoạch năm 2024; doanh thu đạt 97,9% so với kế hoạch năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 121,3% so với kế hoạch năm 2024 và tiền lương người lao động đạt 129% so với kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông giao.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI luôn xác định chủ động nắm bắt tình hình, linh hoạt trong điều hành chỉ đạo, ngay từ đầu năm 2024 Công ty cho dừng công đoạn sản xuất clinker lò quay 1 để tiết kiệm chi phí. Công ty xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Công ty luôn vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, tiết kiệm các chi phí trong sản xuất nhằm giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Đặc biệt Công ty luôn có sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của cán bộ và tập thể người lao động. Bộ máy quản lý đã chủ động và sát sao hơn trong điều hành sản xuất, công tác thị trường, tiếp cận các hộ tiêu dùng trực tiếp

nhằm tăng sản lượng. Công ty đã biết vận dụng linh hoạt trong cơ chế bán hàng, tiết kiệm tốt các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện quản lý tốt máy móc thiết bị, công nghệ nên đã mang lại hiệu quả, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn nhiệm vụ SXKD năm 2024 với mức lợi nhuận cao hơn kế hoạch đã đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Ông Trần Quang Khải:

Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 27/07/1973

Quê quán: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 019073008808 Ngày cấp 28/08/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,041%

2.2. Ông Nguyễn Thanh Trường:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Ngày/tháng/năm sinh: 27/8/1966.

Quê quán: An Tiến - An Lão - Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 010066003712 Ngày cấp: 28/8/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,09%

2.3. Ông Phạm Mạnh Tiến:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 07/02/1969

Quê quán: Xã Thụy Dương, Huyện Thụy Anh, Tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 019069001194 Ngày cấp: 21/4/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,0002%

2.4. Ông Tống Thanh Sơn:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 30/05/1980

Quê quán: Thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 019080014304 Ngày cấp: 11/8/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế; Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,003%

2.5. Bà Nguyễn Thị Thu Hoài:

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 07/05/1988

Quê quán: Xã Khai Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 019188006028 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

Địa chỉ thường trú: Xóm 6, Xã Sơn Cẩm, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 %

2.5. Bà Nguyễn Thị Hằng:

Chức vụ: Phụ trách kế toán Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 10/04/1973

Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 001173034353 Ngày cấp 02/11/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Chùa Hang - TP.Thái Nguyên - Thái Nguyên.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 %

2.6. Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

- Bà: Nguyễn Thị Hằng - Phó trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được giao nhiệm vụ Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần xi Măng La Hiên VVMI từ ngày 07/11/2024 cho đến khi Bà Nguyễn Thị Thu Hoài – Kế toán trưởng Công ty hoàn thành nghỉ chế độ thai sản và trở lại làm việc.

2.7. Số lượng cán bộ, nhân viên: (Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động)

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 450 người, trong đó:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Cán bộ quản lý	34	7,56%
2	Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	42	9,33%
3	Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ	74	16,44%
4	Nhân viên phục vụ	29	6,44%
5	Công nhân lao động	271	60,23%
6	Công đoàn	0	0%

Tổng cộng:	450	100%
-------------------	------------	-------------

Và có các trình độ chuyên môn sau:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Trình độ thạc sỹ	10	2,22%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	136	30,22%
3	Trình độ trung cấp	39	8,67%
4	Công nhân kỹ thuật	263	58,45%
5	Lao động phổ thông	2	0,44%
Tổng cộng:		450	100%

- Thực hiện chủ trương tái cơ cấu và sắp xếp lao động, trong năm đã giải quyết nghỉ chế độ và chấm dứt hợp đồng lao động cho 45 người, tuyển dụng bổ sung 01 người.

- Xác định nguồn nhân lực luôn là nguồn quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của Công ty.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.

- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

- Công ty luôn có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho

người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Động viên khen thưởng kịp thời và tặng quà cho người lao động nhân các dịp lễ. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động, cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát ... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn: *Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết*

* Đầu tư tài chính:

Công ty không có các khoản đầu tư tài chính nào.

* Đầu tư dự án:

a. Công trình khởi công mới.

- Dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền II- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI:

+ Đã thực hiện nâng cấp xong và bàn giao đưa vào sử dụng ngày 11/9/2024 và được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2024 với giá trị quyết toán: 7.906 triệu đồng.

- Dự án đầu tư máy nén khí ≥ 30 m³/phút, áp suất ≥ 7 bar:

+ Đã phê duyệt dự án tại QĐ số 50/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2024; tổng mức đầu tư: 3.591 triệu đồng.

+ Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 25/11/2024 và được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 122/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2024 với giá trị quyết toán: 3.418 triệu đồng.

- Dự án đầu tư Hệ thống xếp bao tự động:

+ Đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 66/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2024; tổng mức đầu tư: 11.755 triệu đồng.

+ Dự kiến thực hiện hết ngày 31/12/2024 đạt 1.124 triệu đồng.

b. Điều tra khảo sát, quy hoạch chuẩn bị đầu tư.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Đòng Chuồng (điều chỉnh) - Công ty cổ phần xi măng La Hiên:

+ Trình Tổng công ty phê duyệt Đề cương, dự toán chi phí; kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh giấy phép khai thác của dự án tại Văn bản số 63/CV-HĐQT

ngày 18/5/2024.

+ Quyết định số 1939/QĐ-CMV ngày 11/9/2024 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ mời thầu.

+ Tổng Công ty đã ký hợp đồng tư vấn lập hồ sơ mời thầu qua mạng Internet với Trung tâm cơ Điện mở ngày 25/9/2024. Hiện tại đang tổ chức lựa chọn nhà thầu gói Tư vấn lập hồ sơ phục vụ giai đoạn chuẩn bị điều chỉnh giấy phép khai thác của dự án mở thầu ngày 17/12/2024 và đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật qua mạng Internet của các nhà thầu.

- Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/giờ: Công ty đã mời một số đơn vị cung cấp đến khảo sát, tư vấn, lập phương án kỹ thuật cho phù hợp hiện trạng dây chuyền của Công ty và báo giá Hệ thống đóng bao xi măng năng suất >110 tấn/giờ. Do ảnh hưởng xung đột quân sự giữa Nga-Ukraine và xung đột quân sự tại Dải Gaza làm biến động của tỷ giá USD và EUR tăng cao dẫn đến giá thiết bị tăng hơn nhiều so dự kiến. Công ty đã báo cáo Tổng công ty đã có Công văn số 2602/CMV-ĐTXD ngày 06/12/2024 điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án trong kế hoạch đầu tư năm 2024 từ 24.000 triệu đồng lên 29.820 triệu đồng.

- Dự án đầu tư hệ thống phun sương dập bụi: Hiện tại đang triển khai khảo sát thực tế lập đề cương dự án.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng (+); Giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	303.338.132.786	312.128.965.936	+2,9
2	Doanh thu thuần	659.188.568.474	661.186.027.676	+0,3
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	60.497.302.234	48.543.999.457	-19,8
4	Lợi nhuận khác	(264.387.004)	(39.203.175)	-85,2
5	Lợi nhuận trước thuế	60.232.915.230	48.504.796.282	-19,5
6	Lợi nhuận sau thuế	47.118.162.905	38.679.263.999	-17,9

7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	66,22%	71.35 %	+7,75
---	----------------------------	--------	---------	-------

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:	Lần	1,89	1,89	
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,89	1,89	
	TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
+	Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,46	1,75	
	<u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn				
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,35	0,36	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,54	0,56	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
+	Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	15,69	19,12	
	<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân				
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,17	2,12	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+	Lợi nhuận biên	%	7,15	5,85	
	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Doanh thu thuần				
+	Tỷ suất ROE	%	23,95	19,31	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Vốn chủ sở hữu				
+	Tỷ suất ROA	%	15,53	12,39	
	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Tổng tài sản	-			
+	Tỷ suất LN từ HĐKD / DTT	%	9,18	7,34	
	<u>LN từ hoạt động KD</u> Doanh thu thuần				

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 12.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 12.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.978.400 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 21.600 cổ phần.

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do quyết định của Tòa án là 21.600 cổ phiếu. Đây là trường hợp cổ đông Phạm Triều Dương bị thu hồi cổ phiếu theo Quyết định số 23/QĐ-THA ngày 19/4/2010 của Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên.

- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (theo DS chốt ngày 02/5/2024):

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	12.000.000	100%
+	<i>Cổ đông lớn</i>	<i>6.165.960</i>	<i>51,383%</i>
+	<i>Cổ đông nhỏ</i>	<i>5.834.040</i>	<i>48,617%</i>
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	12.000.000	100%
+	<i>Cổ đông tổ chức</i>	<i>6.505.040</i>	<i>54,21%</i>
+	<i>Cổ đông cá nhân</i>	<i>5.494.960</i>	<i>45,79%</i>
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	12.000.000	100%
+	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>11.635.640</i>	<i>96,96%</i>
+	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>364.360</i>	<i>3,04%</i>
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	12.000.000	100%
+	<i>Cổ đông nhà nước</i>	<i>6.165.960</i>	<i>51,383%</i>
+	<i>Cổ đông khác</i>	<i>5.834.040</i>	<i>48,617%</i>

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)

Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán

Công ty không có các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Công ty luôn tuân thủ và tích cực thực hiện theo các chính sách cũng như các chương trình hành động quốc gia về phát triển bền vững. Tinh thần đó được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống quản lý của Công ty.

Mục tiêu và kế hoạch hành động đặt ra là: Bảo vệ Môi trường bền vững, sử

dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xanh hóa sản xuất và môi trường sống. Quản lý việc sử dụng nguồn nước và các tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây nhằm cải thiện môi trường sống, giảm thiểu lượng rác thải ra ngoài môi trường.

6.1. Tác động lên môi trường:

- Lượng phát thải khí nhà kính (GHG) tại công ty gồm 02 nguồn: trực tiếp (phát sinh từ tiêu thụ nhiên liệu; phát thải từ quá trình chuyển hóa hóa lý của các nguyên liệu; phát thải khí nhà kính từ một số nguồn trực tiếp khác: Phát thải từ các khí nhà kính chứa Flo trong nhóm hợp chất gây phá hủy tầng ozon, phát thải từ hoạt động xử lý chất thải) và gián tiếp (phát sinh từ quá trình tiêu thụ điện năng, nhiệt năng). Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) được kiểm kê năm 2024 là 514.305,74 tấn CO₂tđ.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bao gồm:

- + Trồng cây xanh.
- + Tiết kiệm điện năng.
- + Sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường.
- + Tuyên truyền, giáo dục.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đá vôi	Tấn	536.831,95	
2	Đá phụ gia xi măng	Tấn	128.530,3	
3	Đá thải sau sàng + sau tuyển nước KH	Tấn	63.857,52	
4	Đá vôi mặt làm PGXM	Tấn	59.429,7	
5	Đất sét	Tấn	66.965,5	
6	Đất cao silíc	Tấn	23.826,8	
7	Phụ gia giàu sắt/Xi đuôi tuyển	Tấn	11.231,1	
8	Phụ gia thu hồi làm PGXM	Tấn	1.620,85	
9	Phụ gia trợ nghiền xi măng TCE LH5	Kg	348.589	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
10	Thạch cao phospho	Tấn	9.799,5	
11	Xi hạt lò cao/Xi bông	Tấn	906,8	
12	Vỏ bao xi măng KPK + PP	Cái	11.833.806	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Công ty đã tận dụng lại các nguyên vật liệu thải ra trong quá trình sản xuất để tái chế sử dụng lại như: sử dụng Thạch cao nhân tạo, đá thải KH từ bã sàng sau tuyển nước của mỏ than Khánh Hoà, phụ gia giàu Sắt từ nhà máy tuyển khoáng, đá vôi chất lượng kém của mỏ đá La Hiên làm phụ gia xi măng, thu hồi vật liệu thất thoát trong dây chuyền để tái sử dụng đã góp phần giảm chi phí sản xuất, giảm thải ra môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu diezen	Lít	487.044,64	
2	Xăng A95	Lít	17.585,54	
3	Than cám 5a.6	Tấn	71.898,05	
4	Điện năng	KW	61.275.757	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Việc tăng cường triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một giải pháp thiết thực giúp cải thiện hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời giúp bảo tồn nguồn năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính như: Lắp thêm biến tần cho các hệ thống quạt gió; các công đoạn nghiền xi măng, nghiền than, nghiền liệu sống điều hành sản xuất dừng các giờ cao điểm để tiết kiệm về giá thành điện; thường xuyên duy trì ổn định năng suất của các hệ thống thiết bị (nghiền xi măng, nghiền liệu, nghiền than, công đoạn Clinker...).

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến góp phần sử dụng năng lượng có hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

Xác định năng lượng là một nguồn tài nguyên, khoáng sản của quốc gia. Con người sống không thể thiếu năng lượng mà năng lượng là hữu hạn do vậy chúng ta cần sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên luôn nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nhằm sử dụng tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng. Trong cơ cấu sản phẩm của Công ty thì yếu tố than, điện chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản phẩm, do vậy giải pháp tiết kiệm tiêu hao than, điện là vấn đề luôn được quan tâm chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Hiện công ty có nguồn cung cấp nước mặt và nước từ giếng khoan với lượng nước sử dụng trong năm 2024 là: Nước mặt 54.737 m³; nước ngầm 44.810 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Công ty xây dựng bể chứa nước tuần hoàn để phục vụ sản xuất nhằm tránh lãng phí trong sử dụng tài nguyên nước với tỷ lệ tái sử dụng lại trên 90%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn nghiêm túc trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống quan trắc khí thải tự động đã đưa vào sử dụng nhằm kiểm soát tốt mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất đối với môi trường để từ đó có những giải pháp khắc phục kịp thời, hạn chế tác động xấu đến môi trường. Công ty đã được cấp giấy phép môi trường số 239/GPMT-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Trong năm 2024 Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tính đến thời điểm 31/12/2024 Công ty có 450 người lao động, số lao động bình quân trong năm là 475 người, tiền lương bình quân đạt 14.476.354 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Người lao động luôn được quan tâm trong việc chăm sóc sức khỏe, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại đầy đủ theo quy định. Hàng năm được tập huấn an toàn để phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra trong sản xuất cũng như đời sống hàng ngày. Định kỳ một năm hai lần có tổ chức các đợt khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác.

Thực hiện đúng số giờ làm việc của người lao động theo quy định của pháp luật. Luôn để người lao động thấy Công ty trở thành nơi làm việc tốt nhất và lý tưởng nhất cho người lao động. Thu hút và giữ chân được nhân tài, duy trì môi trường làm việc lý tưởng, chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt nhất có thể.

- Rèn luyện thể thao để tăng cường sức khỏe trong CBCNV Công ty:



c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Củng cố nhân sự bền vững, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để nâng

cao kiến thức cho nhân viên; đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động; cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhằm nâng cao trình độ năng lực trong quản trị kinh doanh.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

(Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng)

Xây dựng doanh nghiệp phát triển gắn với trách nhiệm xã hội là vấn đề được ưu tiên, là nhu cầu tất yếu của Công ty. Công ty luôn đề cao “Thương hiệu gắn bó cộng đồng”. Chung tay cùng xây dựng một cộng đồng bền vững. Tích cực tổ chức/tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng. Đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: *Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)*

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Trước xu hướng phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, Việt Nam đang triển khai Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh với nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược tăng trưởng xanh là “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để thực hiện tăng trưởng xanh, việc tạo ra được sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý, các tổ chức chính trị, xã hội, cộng đồng doanh nghiệp cũng như công chúng đầu tư là rất quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến động thái của thị trường vốn xanh.

Tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, chúng tôi luôn hiểu rằng sự phát triển và thành công của một doanh nghiệp không chỉ là những con số về tài chính mà còn là sự gắn kết, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước, xã hội, cộng đồng và các đối tác liên quan. Với nhận định đó, trong nỗ lực phát triển bền vững của mình, Xi măng La Hiên luôn nỗ lực hết mình trong việc tìm kiếm và triển khai các giải pháp trong định hướng tăng trưởng xanh (thị trường vốn xanh) và phát triển bền vững của đất nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC: (*Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty*)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

** Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây: Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)*

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2024 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ.

Năm 2024 là một năm tiếp tục có nhiều biến động về nền kinh tế trong nước, ngành sản xuất vật liệu xây dựng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tiêu thụ xi măng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều giảm do chịu tác động từ suy giảm kinh tế, giải ngân đầu tư công chậm và nội tại ngành dư thừa công suất, các công trình, dự án cũng bị đình trệ triển khai, thậm chí phải giãn, hoãn tiến độ khi gặp khó khăn về nguồn vốn, giải ngân vốn đầu tư công chưa thuận lợi. Cùng đó, thị trường bất động sản dự báo tiếp tục trầm lắng, thị trường xi măng tiếp tục mất cân đối, nguồn cung vượt cao so với nhu cầu.

Nhận định được những khó khăn đó trong năm 2023 Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra, ngay từ những tháng đầu năm Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 659.476,47 tấn/670.000 tấn = 98,43% kế hoạch giao; doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 666.046,34 trđ/680.631,66 trđ = 97,86 % kế hoạch giao; chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện

đạt 48.504,79 trđ/40.000 tr.đồng = 121,26% kế hoạch giao; sản xuất luôn đảm bảo an toàn.

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều không hoàn thành so với kế hoạch. Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty phải trải qua những khó khăn, thách thức rất lớn, Nhưng với sự đoàn kết, không ngừng phấn đấu, năng động sáng tạo của tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã chủ động tích cực vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể, tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao, tận dụng những cơ hội, khắc phục được những khó khăn để hoàn thành vượt mức mục tiêu lợi nhuận kế hoạch đề ra.

Trong năm 2024 Công ty đã duy trì sản xuất ổn định; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2024 Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ cán bộ, công nhân trong Công ty, đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được giao và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

*** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:**

Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Điều chỉnh giá bán của các loại sản phẩm xi măng và clinker phù hợp theo từng thời điểm của thị trường, mặt khác giữ được thị phần cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột, clinker giá bán thấp

tăng hiệu quả kinh doanh.

Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đôn đốc việc thu hồi công nợ.

*** Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:**

Công tác kiểm tra sản phẩm trong dây chuyền được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo số liệu có độ chính xác tin cậy cung cấp cho các bộ phận liên quan góp phần phát hiện, xử lý và có biện pháp khắc phục, phòng ngừa sản phẩm không phù hợp. Sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam quy định.

Quy hoạch tốt nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, sử dụng các vật liệu có sẵn trên địa bàn có giá thấp, các vật liệu là phế thải, sản phẩm phụ của các nhà máy (thạch cao phospho, phụ gia giàu sắt, đá thải sau tuyển nước, đá vôi chất lượng kém của mỏ La Hiên làm phụ gia xi măng) để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất, duy trì sản xuất ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển và hạn chế tổn thất nguyên, nhiên vật liệu. Cân đối sản lượng tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thiết bị phải dừng hoạt động vào giờ cao điểm và chủ yếu hoạt động vào giờ thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, giảm giá thành sản phẩm.

Công tác cơ điện đã quan tâm, quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị, lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

Tích cực tìm các giải pháp để đầu tư cải tiến thay thế thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật, thay thế thiết bị mới tốt hơn tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm. Tổ chức tốt việc bảo dưỡng, sửa chữa sự cố, sửa chữa lớn thiết bị, chủ động dừng lò và thiết bị để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch vào các thời điểm tết nguyên đán và mùa mưa sản lượng tiêu thụ chậm.

Tổ chức kiểm tra giám sát công tác quản lý chăm sóc thiết bị của các đơn vị, phân xưởng sản xuất, phát hiện các dấu hiệu hư hỏng máy móc thiết bị trong dây chuyền, phối hợp cùng các đơn vị đưa ra phương án xử lý sửa chữa nhằm đảm bảo cho thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định về chất lượng, năng suất và tăng

thời gian huy động, giảm sự cố thiết bị đột xuất không mong muốn trong năm 2024.

*** Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, điều hành tiết kiệm chi phí:**

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa trong sản xuất là vấn đề luôn được quan tâm. Năm 2024 các tập thể và các cá nhân người lao động đã có 23 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thiết thực có giá trị và làm lợi cho Công ty hàng tỷ đồng và cải thiện môi trường làm việc trong Công ty.

Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu, giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh để chỉ đạo điều hành, thực hiện chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2024 với các nhóm giải pháp tích cực. Thành lập ban chỉ đạo, ban hành chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí năm 2024 kèm theo các nhóm giải pháp điều hành và nghiệm thu kết quả thực hiện với các chỉ tiêu cụ thể.

*** Công tác kế hoạch, khoán quản:**

- Công tác kế hoạch: Bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao, đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- Công tác vật tư: Tích cực tìm nguồn hàng vật tư nguyên vật liệu sản xuất trong nước đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh để phục vụ sản xuất. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh. Công tác quản lý kho, xuất nhập vật tư an toàn đúng pháp luật. Thực hiện quyết toán vật tư theo quy định, theo dõi việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư và tham gia xây dựng định mức tiêu hao vật tư ở các phòng ban phân xưởng trong Công ty. Trong năm tổ chức sắp xếp quản lý kho vật tư hợp lý, an toàn, khoa học. Số dư hàng tồn kho vật liệu cuối kỳ đạt hệ số tồn kho <5% theo quy định.

- Công tác đầu tư xây dựng: Thực hiện các dự án theo kế hoạch giao trên cơ sở nghiên cứu thực hiện trước các dự án đầu tư phát triển phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án, tổ chức đấu thầu thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

*** Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và

sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp bảo hiểm xã hội (BHXH), y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tối chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch giao. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được bảo toàn và tăng trưởng tốt, các hệ số tài chính được cải thiện rõ rệt.

*** Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Phòng Tổ chức Hành chính đã tích cực tham mưu cho Giám đốc phương án tái cơ cấu lao động; tinh giản lao động không làm giảm chất lượng lao động; tái cơ cấu lực lượng lao động đi đôi với tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn, thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ, không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật.

Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty và của Nhà nước.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Quản lý chặt chẽ quy trình vận hành, chủ động trong công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và dự báo vật tư dự phòng thay thế. Tình trạng kỹ thuật thiết bị luôn được theo dõi chặt chẽ, các dấu hiệu sự cố được chủ động phát hiện và xử lý kịp thời, duy trì thiết bị hoạt động ổn định. Công nhân vận hành có ý thức trách nhiệm cao, tự giác trong công tác chăm sóc bảo dưỡng thiết bị, trình độ vận hành thiết bị ngày càng được nâng cao.

*** Khối phục vụ:**

Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người lao động. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể cho CB- CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ, tự vệ phối hợp tốt với địa phương trên địa bàn thực hiện tốt

công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội.

*** Công tác an toàn vệ sinh lao động:**

Công tác an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) năm 2024 luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng ATVSLĐ của Công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác ATVSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra tai nạn lao động (TNLD), đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLD, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ, công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng quy chế thưởng phạt trong công tác ATVSLĐ để tăng thêm hiệu quả.

2. Tình hình tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Thanh toán cho người bán đúng hợp đồng, các khoản gốc, lãi vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng và trước kỳ hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) quyết định và được việc sử dụng trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các Quy chế Hội đồng quản trị đã ban hành.

2.1. Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (*phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh*)

*** Tình hình tài sản:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng, giảm
I	Tài sản ngắn hạn	195.379.802.787	210.022.921.582	+7,5

II	Tài sản dài hạn	107.958.329.999	102.106.044.354	-5,4
	Tổng cộng	303.338.132.786	312.128.965.936	+2,9

Trong năm Công ty đã phát huy tối đa việc sử dụng tài sản và tiền vốn nhằm đạt được những lợi ích cao nhất. Tính đến thời điểm 31/12/2024 giá trị tổng tài sản của Công ty tăng 2,9% so với thời điểm 31/12/2023 chủ yếu do tăng tiền và các khoản tương đương tiền.

*** Tình hình công nợ phải thu:**

Đơn vị: VND

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng, giảm
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	10.885.447.818	6.383.149.602	-41,36
2	Trả trước cho người bán	69.009.449	194.737.996	+182,19
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.406.236.440	3.218.504.573	+33,76
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-152.264.000	-188.179.000	+23,59
	Tổng cộng	13.208.429.707	9.608.213.171	-27,26

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép. Trong năm 2024 Công ty rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, nợ phải thu giảm 41,36% so với cùng kỳ năm trước. Trả trước cho người bán do Công ty thực hiện chính sách thanh toán trước tiền mua than. Các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng do các khoản trích trước lãi tiền gửi của một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn nhưng chưa đến hạn thanh toán. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi tăng do trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi thêm của một khách hàng.

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,69	19,12
2	Vòng quay khoản phải thu	Vòng	22,74	60,05
3	Vòng quay vốn lưu động	Vòng	9,29	8,4
4	Vòng quay tài sản dài hạn	Vòng	6,11	6,48
6	Tỷ suất lợi nhuận / Tổng TS (ROA)	%	15,53	12,39
7	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn CSH (ROE)	%	23,95	19,31

Nhìn chung tài sản của Công ty được sử dụng tốt, các chỉ tiêu sử dụng tài sản phần lớn đều được nâng cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty đã rất tích cực trong việc quản lý và sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	103.543.282.168	111.235.226.513	+7,4
1	Phải trả người bán ngắn hạn	32.826.159.633	42.561.760.187	+29,7
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.889.571.942	1.856.430.053	-35,7
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.793.628.945	14.303.550.244	+110,5
4	Phải trả người lao động	38.773.123.049	33.294.270.695	-14,1
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.936.514.743	300.441.200	-93,9
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.539.079.962	1.654.068.663	+7,47
+	<i>Tiền cổ tức phải trả</i>	<i>586.681.750</i>	<i>889.762.150</i>	<i>+51,7</i>
+	<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>952.398.212</i>	<i>764.306.513</i>	<i>-19,7</i>
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.500.000.000	0	-100
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.285.203.894	17.264.705.471	+29,5
II	Nợ dài hạn	3.055.066.121	592.853.832	-80,6
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.500.000.000	0	-100
2	Dự phòng phải trả dài hạn	555.066.121	592.853.832	+6,8
	Tổng cộng	106.598.348.289	111.828.080.345	+4,9

Đối với thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước do có chính sách được chậm trả khi ngân sách còn nợ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế, do vậy số tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng nằm trong số tiền mà ngân sách còn nợ Công ty.

Phải trả ngắn hạn khác là các khoản do một số nhà thầu nộp tiền bảo đảm dự thầu và thực hiện cho hợp đồng mua bán năm 2024.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Lãi suất vay vốn trong năm từ các tổ chức tín dụng được duy trì ở mức tương đối ổn định do vậy không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiết giảm lao động 45 người do chấm dứt hợp đồng lao động kể từ đầu năm đến thời điểm 31/12/2024 tổng số lao động còn 450 người.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Nhận định về tình hình năm 2025, các chuyên gia cho biết trên bình diện quốc tế, thế giới đang trong thời kỳ nhiều biến động và thay đổi về kinh tế, địa chính trị... Lạm phát tăng lên mức cao dẫn đến xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều quốc gia. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia đã bắt đầu có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế.

Triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2025 có thể chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố hơn, trong đó có cả thuận lợi và thách thức đan xen. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng lạm phát là rất lớn, như biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước chậm, chi phí sản xuất tăng cao, rủi ro về chuỗi cung ứng cùng với việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản

lý, thiên tai, dịch bệnh, bão lũ, biến đổi khí hậu...

Dự báo thị trường tiêu thụ xi măng năm 2025 cạnh tranh rất khốc liệt do cung vượt cầu, khó khăn và thách thức đối với Công ty là rất lớn. Trong bối cảnh đó đòi hỏi tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đề ra là:

- Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới và hoàn thiện từng công đoạn sản xuất trong dây chuyền lò quay xi măng, loại bỏ thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật, công nghệ không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian hoạt động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, bám sát diễn biến của thị trường tiêu thụ để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống, thị trường mang lại hiệu quả kinh tế cao như thị trường tiêu thụ tại tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Quản lý tốt công tác khoán quản trị chi phí sản xuất chặt chẽ, sát với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả phù hợp với sản xuất. Cung ứng kịp thời, đầy đủ về chủng loại, đảm bảo chất lượng, hợp lý về giá cả vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất, có kế hoạch dự trữ vật tư cho sản xuất kinh doanh (SXKD) hợp lý giúp quản lý tốt chỉ tiêu tồn kho vật tư, tiết kiệm chi phí, sử dụng vốn kinh doanh. Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty; nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả đồng vốn; thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới, các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm điện năng, giảm chi phí sản xuất.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội cho đầu tư phát triển.

- Chú trọng cải thiện môi trường, điều kiện làm việc cho người lao động sạch

sẽ, thuận tiện; nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

Theo ý kiến của kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty; báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ được lập phù hợp với các tiêu chuẩn kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, do vậy Ban giám đốc không có giải trình đối với ý kiến của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Hiện nay biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề toàn cầu và ngày càng tác động nghiêm trọng đến điều kiện môi trường sống trên trái đất. Trong đó Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Là một tổ chức hoạt động trong nền kinh tế, Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI luôn cam kết thực hiện các giải pháp phù hợp với sự đầu tư về tài chính, nhân lực và hệ thống quản lý đảm bảo xử lý tốt các nguồn thải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng và tiếp tục áp dụng sử dụng các nguồn nguyên liệu để góp phần vào mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

Hàng năm Công ty đều lập kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ từ đầu năm, tổ chức thực hiện quan trắc các chỉ tiêu môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và mạng lưới quan trắc đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên phê duyệt. Qua đó, đánh giá được mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường. Hệ thống xử lý nước thải, khí thải hoạt động ổn định, do vậy môi trường khu vực Công ty và dân cư xung quanh đều đảm bảo theo quy định. Năm 2024, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho toàn bộ khu văn phòng, nhà xưởng công suất 65 m³/ngày đêm. Hệ thống quan trắc khí thải tự động luôn chạy ổn định, góp phần kiểm soát tốt hơn các chỉ tiêu về môi trường không khí. Sau các đợt quan trắc định kỳ, chỉ tiêu môi trường năm 2024 của Công ty đều đảm bảo theo quy định, cụ thể:

- Về khí thải:

+ Khí thải công nghiệp: Tất cả các chỉ tiêu phân tích của ống khói khí thải như: CO₂, SO₂, NO_x, nồng độ bụi... đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 23:2009/BTNMT, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

+ Môi trường không khí khu vực sản xuất: Tất các chỉ tiêu phân tích như: độ rung, tiếng ồn, ánh sáng.... đều nằm trong giới hạn cho phép của quyết định QCVN 03:2019/BYT. Điều đó cho thấy môi trường làm việc tại công ty tương đối tốt.

+ Môi trường không khí khu vực xung quanh: Các chỉ tiêu quan trắc các mẫu không khí xung quanh đại diện đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT. Không khí môi trường tại Công ty đảm bảo, do đó hoạt động sản xuất của Công ty chưa ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh.

- Về nước thải:

+ Nước thải sản xuất: Kết quả phân tích chất lượng nước thải sản xuất của Công ty định kỳ năm 2024 cho thấy các chỉ tiêu phân tích như: PH, COD, BOD5, các kim loại nặng... đều trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn cho phép ghi tại QCVN 40:2011/BTNMT.

+ Nước thải sinh hoạt: Các chỉ tiêu phân tích nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT. Nước thải sinh hoạt xả ra môi trường không gây ảnh hưởng đến chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn quan tâm đến môi trường làm việc cho người lao động, hạn chế tối thiểu những ảnh hưởng xấu của môi trường đến sức khỏe người lao động. Công ty nhận thức được trách nhiệm An toàn - Sức khỏe - Môi trường là một việc quan trọng như bất kỳ một hoạt động nào khác trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã được triển khai thực hiện huấn luyện công tác ATVSLĐ và cam kết tuân thủ theo các quy định của Công ty nhằm góp phần vào công tác an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường cũng như đóng góp vào việc bảo vệ môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động cộng đồng từ lâu đã trở thành truyền thống và là một phần không thể tách rời trong hoạt động tổng thể của công ty. Công ty luôn tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động vì lợi ích cộng đồng của chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

Luôn có trách nhiệm bảo vệ và giảm thiểu những tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường sống xung quanh khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

như trồng bổ sung cây xanh, thường xuyên tưới nước chống bụi...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2024 nhận thức rõ được những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng Cổ đông giao cho như: Xung đột giữa quân sự ở một số quốc gia vẫn tiếp diễn; tình trạng thời tiết cực đoan diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai ... làm cho sản xuất và tiêu dùng mất cân đối. Môi trường kinh doanh của công ty chịu sự cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi măng trên thị trường dư thừa nhiều do cung vượt cầu; thiết bị sản xuất xi măng có công suất nhỏ, tiêu tốn nhiều năng lượng, thiết bị sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều...

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị, giám sát Ban lãnh đạo điều hành thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2024 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp để tiết kiệm chi phí, kết quả năm 2024 nhiều chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch đã đề ra như: Sản lượng, doanh thu, tuy nhiên với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu quan trọng nhất đó là lợi nhuận đạt 48.504,79 trđ/40.000 tr.đồng = 121,26% mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra và dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với kế hoạch trình tại đại hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong sản xuất kinh doanh (SXKD) nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị, bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực, với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao nên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2025 dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục biến động; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng...

Năm 2025 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HDQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2025 như sau:

* Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	630.000	
1	Xi măng	Tấn	610.000	
2	Clinker thương phẩm	Tấn	20.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	630.000	
1	Xi măng	Tấn	610.000	
2	Clinker thương phẩm	Tấn	20.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	605.382	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Ghi chú
1	Xi măng, Clinker thương phẩm	Tr.đ	599.504	
2	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.878	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000	
D	Cổ tức	%	12,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	31.194	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động định mức	Người	459	
2	Tiền lương bình quân	1000 đ/người/tháng	10.942	

*** Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **18.164** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			10.599
1	Dự án đầu tư Hệ thống xếp bao tự động	HT	1	10.599
II	Công trình khởi công mới			0
III	Chuẩn bị đầu tư			966
1	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	200
2	Dự án cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền liệu	HT	1	350
3	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao	HT	1	316

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
	năng suất ≥ 110 tấn/h			
4	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h số 2	HT	1	100
IV	Dự phòng			6.599
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	2.500
2	Dự án đầu tư hệ thống phụ sương dập bụi	HT	1	170
3	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	3.504
4	Dự án đầu tư máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $\geq 1,4m^3$	cái	1	425
V	Tổng cộng (V=I+II+III+IV)			18.164

*** Định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Có kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị trong dây chuyền, đảm bảo dây chuyền thiết bị được hoạt động thông suốt. Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến mới để thay thế các thiết bị, công nghệ lạc hậu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như: Đá vôi, đất sét, đất caosilic... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, môi trường làm việc luôn đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ, thuận tiện, tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động, đưa ra các biện pháp khắc phục, không để ảnh hưởng đến môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất, phân đầu tiết kiệm tối đa chi phí.

- Tăng cường công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, bám sát diễn biến của thị trường tiêu thụ để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống, thị trường mang lại hiệu quả kinh tế cao; mở rộng thêm các

thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ; tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo đáp ứng nguồn nhân sự bền vững cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước.

- Rà soát đánh giá kỹ công tác lao động, tiền lương, có lộ trình tăng năng suất lao động, tiết giảm lao động; thực hiện chế độ tiền lương gắn với năng suất lao động và hiệu quả.

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động của Công ty.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm báo cáo tài chính gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần (%)	Ghi chú
1	Vũ Minh Tân	Chủ tịch HĐQT	0,00%	
2	Trần Quang Khải	Thành viên HĐQT	0,041%	
3	Hà Văn Chuyển	Thành viên HĐQT	0,00%	
4	Phạm Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT	0,0002%	
5	Nguyễn Xuân Hậu	Thành viên HĐQT	0,0002%	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban)

Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: (Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty. Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai

trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các Cổ đông.

- Trong năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 09 phiên họp trực tiếp, 15 phiên họp gián tiếp (bằng hình thức xin ý kiến) với các nội dung như sau:

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
1	01/BBKP-HĐQT	02/4/2024	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua phê duyệt hợp đồng mua bán đá thải sau sàng với người liên quan của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là Công ty than Khánh Hòa VVMI. Thông qua phê duyệt hợp đồng mua bán than năm 2024 với người liên quan của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. 	- Nội dung: (1,2) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (2/2).
2	02/BBKP-HĐQT	12/01/2024	Tạm giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5)
3	03/BB-HĐQT	20/01/2024	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2023 - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt kiện toàn lại Ban phòng, chống tham nhũng và tổ giúp việc ban phòng chống tham nhũng trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I/2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt dự toán gói thầu và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền II Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 	- Nội dung: (1;2;3;4;5) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
4	04/BB-HĐQT	05/3/2024	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua phê duyệt ban hành Quy định hỗ trợ người lao động nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc hưởng trợ cấp một lần từ quỹ phúc lợi trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt bổ nhiệm lại cán bộ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt kết quả SXKD quý IV và năm 2023 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 	- Nội dung: (1;2;3) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
5	05/BB-HĐQT	15/3/2024	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý vật tư - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý, phân phối, sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 	- Nội dung: (1;2;3) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
6	06/BBK P-HĐQT	02/4/2024	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua phê duyệt Quy chế tiêu thụ sản phẩm của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt kế hoạch SXKD quý 2 năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 	- Nội dung: (1;2) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
7	08/BB-HĐQT	10/5/2024	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua phê duyệt dự án đầu tư máy nén khí $\geq 30 \text{ m}^3/\text{phút}$, áp suất $\geq 7 \text{ bar}$ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt kết quả SXKD quý I năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt hợp đồng kinh tế cung cấp dịch vụ thăm quan, nghỉ mát với người liên quan của Công ty là Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI. Thông qua phê duyệt phân chia quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Thông qua phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 	- Nội dung: (1;2;3;4;5;6) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			6. Thống nhất thông qua phê duyệt trung dụng tổ thẩm định các dự án đầu tư Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI giúp HĐQT tổ chức thẩm định các dự án đầu tư trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	
8	09/BBK P-HĐQT	27/5/2024	Thông qua phê duyệt hợp đồng kinh tế cung cấp dịch vụ tổ chức Hội nghị khách hàng tại Sầm Sơn – Thanh Hóa năm 2024 với người liên quan của Công ty là Trung tâm điều dưỡng Ngành Than - VVMI – Chi nhánh Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (2/2).
9	10/BB-HĐQT	14/6/2024	<p>1. Thông qua phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn gói thầu kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>2. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>3. Thông qua phê duyệt Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>4. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý xuất cảnh đối với cán bộ, người lao động trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>5. Thông qua phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2024 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>6. Thông qua phê duyệt dự án Hệ thống xếp bao tự động - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>7. Thông qua phê duyệt kiện toàn lại Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng và tổ giúp việc ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>8. Thông qua phê duyệt chuyển bước từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức (công trình khởi công mới) đối với dự án: Đầu tư thiết bị máy nén khí ≥ 30 m³/phút, áp suất ≥ 7 bar - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p>	- Nội dung: (1;2;3;4;5;6; 7;8) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
10	11/BBK P-HĐQT	24/6/2024	1. Thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Đầu tư thiết bị máy nén khí ≥ 30	- Nội dung: (1;2) 100%

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			m3/phút, áp suất ≥ 7 bar - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 2. Thông qua phê duyệt hợp đồng kinh tế cung cấp vỏ bao xi măng 6 tháng cuối năm 2024 với người liên quan của Công ty là Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.	thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
11	12/BBK P-HĐQT	28/6/2024	Thông qua phê duyệt hợp đồng kinh tế cung cấp dịch vụ sửa chữa trung đại tu thiết bị động cơ máy xúc Hyundai 450LC-7 với người liên quan của Công ty là Công ty cổ phần Cơ khí mở Việt Bắc VVMI.	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
12	13/BB-HĐQT	17/7/2024	1. Thông qua phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 2. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý cán bộ trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 3. Thông qua phê duyệt kết quả SXKD quý II năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 4. Thông qua phê duyệt Hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	- Nội dung: (1;2;3;4) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
13	14/BBK P-HĐQT	29/7/2024	Thông qua bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, thời gian kể từ ngày 01/8/2024.	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
14	15/BBK P-HĐQT	17/8/2024	1. Thông qua phê duyệt chuyển bước kế hoạch đầu tư dự án: Đầu tư hệ thống xếp bao tự động, từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức - Công trình khởi công mới. 2. Thông qua phê duyệt chủ trương thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ khai thác mỏ đá vôi Đồng Chuông	- Nội dung: (1;2) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
15	16/BBK P-HĐQT	30/8/2024	Thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư hệ thống xếp bao tự động và dự toán gói thầu số 01: Cung cấp và lắp đặt hệ thống xếp bao tự động - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
16	17 /BB-HĐQT	26/9/2024	<p>1. Thông qua phê duyệt kế hoạch SXKD quý IV năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>2. Thông qua phê duyệt Quy chế tiêu thụ sản phẩm của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p>	- Nội dung: (1;2) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
17	18/BBK P-HĐQT	24/10/2024	Thông qua phê duyệt hợp đồng kinh tế cung cấp và lắp đặt hệ thống xếp bao tự động thuộc dự án đầu tư hệ thống xếp bao tự động với người liên quan của Công ty là Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực – VVMI	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
18	19/BB-HĐQT	29/10/2024	<p>1. Thông qua phê duyệt kết quả SXKD quý III năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>2. Thông qua phê duyệt hợp đồng kinh tế cung cấp vật tư sửa chữa kho xuất bao để phục vụ sửa chữa năm 2024 với người liên quan của Công ty là Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực – VVMI.</p> <p>3. Thông qua phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Dự án nâng cấp hệ thống tự động hoá (DCS) dây chuyền II - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>4. Thông qua phê duyệt Ban hành Quy chế quản lý vật tư - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p>	- Nội dung: (1;2;3;4) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
19	20 /BBKP-HĐQT	04/11/2024	Thông qua giao nhiệm vụ phụ trách kế toán Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
20	21/BBK P-HĐQT	11/11/2024	Thông qua phê duyệt hợp đồng cung cấp hàng hóa với người có liên quan Công ty là Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực – VVMI.	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
21	22/BBK P-HĐQT	04/12/2024	1. Thông qua phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, giai đoạn năm 2020 – 2025 và	- Nội dung: (1;2;3) 100% thành viên

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			giai đoạn năm 2025 – 2030, sau rà soát bổ sung. 2. Thông qua phê duyệt ban hành hệ thống thang lương, bảng lương trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 3. Thông qua phê duyệt chủ trương lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ công bố thông tin bằng tiếng Anh - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
22	23/BB-HĐQT	19/12/2024	1. Thông qua phê duyệt hợp đồng với người có liên quan của Công ty là Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI. 2. Thông qua phê duyệt hợp đồng mua bán than, đá thải sau sàng với người có liên quan của Công ty là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công ty than Khánh Hoà – VVMI.	- Nội dung 1 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5). - Nội dung 2 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (2/2).
23	24/BBK P-HĐQT	24/12/2024	Thông qua phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi năm 2024 để có đủ nguồn chi tặng quà nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI (01/01/1995 – 01/01/2025).	100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).
24	25/BBKP-HĐQT	31/12/2024	1. Thông qua phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Đầu tư thiết bị máy nén khí ≥ 30 m ³ /phút, áp suất ≥ 7 bar - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 2. Thông qua phê duyệt tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch SXKD quý 1/2025. 3. Thông qua phê duyệt tạm giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025.	- Nội dung: (1;2;3) 100% thành viên HĐQT có quyền BQ nhất trí thông qua (5/5).

Ngoài các cuộc họp trên Hội đồng quản trị còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế

của cả nước, đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận và nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý.

Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất xi măng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Công ty có 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không trực tiếp điều hành, thành viên HĐQT này luôn thực hiện tốt vai trò trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý Công ty, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của Hội đồng quản trị.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- Đến thời điểm 31/12/2024 HĐQT Công ty có 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
1	Vũ Minh Tân	Chủ tịch HĐQT	Thạc sỹ Kinh tế công nghiệp; Kỹ sư chế tạo máy; Kỹ sư khai thác mỏ; Cử nhân kinh tế.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
2	Trần Quang Khải	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư điện khí hóa Xí nghiệp
3	Hà Văn Chuyên	Thành viên HĐQT	Kỹ sư điện khí hóa
4	Phạm Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế
5	Nguyễn Xuân Hậu	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế

2. Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát còn có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần (%)	Ghi chú
1	Phạm Trung Hợp	Trưởng Ban kiểm soát	0,074 %	
2	Trần Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	0,000 %	
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	0,000 %	

a. Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/

- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh trong năm 2024 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đã đề ra;

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Công ty; để từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của Công ty, đúng với quy định của Pháp luật cũng như phương hướng của ĐHCĐ;

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: Quy chế quản lý quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; Quy chế quản lý vật tư; Quy chế quản lý hoạt động bảo vệ môi trường; Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động; Quy chế quản lý xuất cảnh đối với cán bộ, người lao động trong Công ty; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế tiêu thụ sản phẩm.

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty như Nghị quyết của ĐHCĐ đã họp;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm 2024 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO.

b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024 Ban kiểm soát đã triệu tập 8 cuộc họp để lập kế hoạch của ban kiểm soát và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Lần 1, họp về việc lập kế hoạch của ban kiểm soát.
- Lần 2, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý IV và năm 2023.
- Lần 3, họp về thống nhất số liệu báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2024.
- Lần 4, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2024.
- Lần 5, thống nhất số liệu báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II năm 2024.
- Lần 6, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II và 6 tháng đầu năm 2024.

- Lần 7, thống nhất số liệu báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III năm 2024.

- Lần 8, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III và 9 tháng đầu năm 2024.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2024 như sau:

*** Về công tác quản trị và điều hành Công ty:**

- Hội đồng quản trị (HĐQT):

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

+ Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

+ HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

+ HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đề ra.

+ Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Năm 2024 HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

- Ban Điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh

doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2024 thị trường tiêu thụ xi măng vẫn khó khăn do sự suy giảm nhu cầu xây dựng toàn cầu, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi, xu hướng dịch chuyển nhu cầu từ xi măng bao sang xi măng bột tiếp tục tăng, mức độ cạnh tranh các thương hiệu xi măng trên thị trường vẫn diễn ra khốc liệt; Song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường, đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ, doanh thu chưa hoàn thành so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên Công ty vẫn có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, ổn định giá bán xi măng, giúp hoàn thành hiệu quả sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của công ty.

+ Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

Kết quả năm 2024, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 48.504,8 tr.đồng/kế hoạch 40.000 triệu đồng bằng 121,26% so với kế hoạch, tiền lương bình quân đạt 14,476 tr.đồng/kế hoạch 11,221 triệu đồng bằng 129,01% so với kế hoạch, chi phí trả dự kiến 23%/ kế hoạch 15%.

Trong năm 2024, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

*** Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi của chế độ kế toán và quy định của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng Việt Nam trong việc lập báo cáo.

Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán BDO, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính kế toán hiện tại của Công ty.

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Hệ số bảo toàn vốn, hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn đã được cải thiện > 1.

*** Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.

Trong năm 2024, HĐQT cùng Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

*** Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:**

Năm 2024 dịch bệnh và cạnh tranh địa chính trị (xung đột giữa Nga - Ukraine, xung đột vũ trang ở Trung Đông vẫn tiếp diễn) có thể kéo dài, sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu, làm gián đoạn các nguồn cung ứng sản phẩm, hàng hóa và trực tiếp gây trì trệ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi cũng phải đối mặt không ít khó khăn với thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp và gây ra hậu quả nghiêm trọng, giá cả

nguyên vật liệu đầu vào biến động, giá điện bình quân được điều chỉnh tăng, suy giảm nhu cầu xây dựng toàn cầu, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi, xu hướng dịch chuyển nhu cầu từ xi măng bao sang xi măng bột tiếp tục tăng làm giảm hiệu quả SXKD. Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2025, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông, Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tìm kiếm nguồn NVL đầu vào giá rẻ đảm bảo chất lượng, để tiết kiệm chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Cân đối, sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi, lựa chọn thời hạn cho vay tốt nhất đem lại hiệu quả kinh tế và an toàn cho nguồn tiền gửi.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ, để duy trì sản xuất ổn định đem lại hiệu quả sản xuất cho Công ty, phát huy tốt hơn nữa hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng

khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

Nhằm đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và viên chức quản lý đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 10/04/2024 đã thông qua, trong năm 2024 tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT, BKS và viên chức quản lý dự kiến sẽ chi trả như sau:

ĐVT: Tr.đ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị					388,62
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT			89,10	89,10
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT			74,88	74,88
3	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT			74,88	74,88
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT			74,88	74,88
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT			74,88	74,88
II	Ban kiểm soát					601,99
1	Phạm Trung Hợp	Trưởng BKS	403,09	49,14		452,23
2	Trần Thu Hương	TV BKS			74,88	74,88
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TV BKS			74,88	74,88
III	Viên chức quản lý					2.114,96
1	Trần Quang Khải	Giám đốc	437,64	53,35		490,99
2	Phạm Mạnh Tiến	Phó GD	383,90	46,80		430,70
3	Nguyễn Thanh Trường	Phó GD	383,90	46,80		430,70
4	Tổng Thanh Sơn	Phó GD	383,90	46,80		430,70

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
5	Nguyễn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng	289,52	42,35		331,87
	Tổng cộng					3.105,57

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

Trong năm 2024 những người có liên quan thực hiện việc giao dịch cổ phiếu của Công ty: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với cổ đông nội bộ và các bên liên quan như sau:

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Hợp đồng mua bán vỏ bao với Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI;
- Hợp đồng mua bán đá thải với Công ty than Khánh Hòa VVMI;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ tổ chức hội nghị với Trung tâm điều dưỡng ngành than VVMI - Chi nhánh Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ thăm quan nghỉ mát với Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI;
- Hợp đồng dịch vụ sửa chữa trung đại tu thiết bị động cơ máy xúc Hyundai 450LC-7 với Công ty cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI
- Hợp đồng cung cấp và lắp đặt hệ thống xếp bao tự động, cung cấp vật tư sửa chữa kho xuất bao, cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa năm 2024 với Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực VVMI.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)

Quản trị công ty cổ phần trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một vấn đề không thể thiếu và cần được quan tâm. Ngoài việc đảm bảo sự thành công cho doanh nghiệp nó còn mang đến sự an tâm cho các nhà đầu tư. Tuy vậy, hệ thống pháp luật về quản trị công ty hiện nay ở Việt Nam còn nhiều bất cập so với các quy định và hoạt động quản trị công ty ở các quốc gia trên thế giới, điều đó cho thấy việc hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty ở Việt Nam trong giai đoạn sắp tới là điều vô cùng cần thiết.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI luôn ý thức tuân thủ và thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật các quy định về quản trị công ty nhằm bảo vệ được quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan, cũng như đáp ứng vấn đề công khai và minh bạch thông tin trong công ty cổ phần.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Kèm theo BCTC năm 2024 được kiểm toán)

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

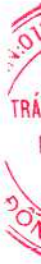


CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Thông tin chung của công ty

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Vũ Minh Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trần Quang Khải	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Hà Văn Chuyên	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Trần Quang Khải	Giám đốc
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Phó Giám đốc
- Ông Tống Thanh Sơn	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Trường	Phó Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này là: Ông Trần Quang Khải - Chức danh: Giám đốc.

Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Phạm Trung Hợp	Trưởng ban Kiểm soát
- Bà Trần Thu Hương	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên

Trụ sở đăng ký kinh doanh

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO là công ty kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc công ty phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 34. Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện HĐQT và Ban Giám đốc



Trần Quang Khải
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Số: BC/BDO/2025.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI, được lập ngày 24/02/2025 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**LÊ THỊ MINH HỒNG**

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1992-2023-038-1

NGUYỄN THỊ LAN HOA

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2003-2023-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.022.921.582	195.379.802.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	115.702.261.577	97.621.552.925
1. Tiền	111		3.702.261.577	10.621.552.925
2. Các khoản tương đương tiền	112		112.000.000.000	87.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	69.500.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		69.500.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.608.213.171	13.208.429.707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.383.149.602	10.885.447.818
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		194.737.996	69.009.449
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.218.504.573	2.406.236.440
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(188.179.000)	(152.264.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	15.134.650.974	44.168.552.646
1. Hàng tồn kho	141		15.134.650.974	44.168.552.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		77.795.860	381.267.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	77.795.860	89.991.694
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	-	291.275.815
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.106.044.354	107.958.329.999
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		592.853.832	555.066.121
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	592.853.832	555.066.121
II. Tài sản cố định	220		89.968.626.892	94.420.440.372
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	89.968.626.892	94.420.440.372
<i>Nguyên giá</i>	222		969.818.238.877	959.145.870.610
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(879.849.611.985)	(864.725.430.238)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.632.274.438	1.632.274.438
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	458.115.918
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	-	458.115.918
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.544.563.630	12.524.707.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	11.544.563.630	12.524.707.588
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		312.128.965.936	303.338.132.786

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		111.828.080.345	106.598.348.289
I. Nợ ngắn hạn	310		111.235.226.513	103.543.282.168
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	42.561.760.187	32.826.159.633
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.856.430.053	2.889.571.942
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	14.303.550.244	6.793.628.945
4. Phải trả người lao động	314		33.294.270.695	38.773.123.049
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	300.441.200	4.936.514.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.654.068.663	1.539.079.962
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	2.500.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.264.705.471	13.285.203.894
II. Nợ dài hạn	330		592.853.832	3.055.066.121
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	2.500.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	592.853.832	555.066.121
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		200.300.885.591	196.739.784.497
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	200.300.885.591	196.739.784.497
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.157.145.436	41.157.145.436
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.679.263.999	35.118.162.905
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.679.263.999	35.118.162.905
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		312.128.965.936	303.338.132.786

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Hằng

Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

B02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	661.186.027.676	659.208.559.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	19.990.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		661.186.027.676	659.188.568.474
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	566.882.405.039	556.779.139.215
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.303.622.637	102.409.429.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.726.617.107	5.717.253.873
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	168.690.403	236.717.799
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>63.575.333</i>	<i>131.602.731</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.297.022.274	12.971.357.743
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	38.020.527.610	34.421.305.356
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.543.999.457	60.497.302.234
11. Thu nhập khác	31	VI.8	133.696.825	103.172.269
12. Chi phí khác	32	VI.9	172.900.000	367.559.273
13. Lợi nhuận khác	40		(39.203.175)	(264.387.004)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.504.796.282	60.232.915.230
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	9.825.532.283	13.114.752.325
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.679.263.999	47.118.162.905
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.300	2.600

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Hằng

Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03 - DN

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.504.796.282	60.232.915.230
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		15.124.181.747	32.023.390.690
- Các khoản dự phòng	03		73.702.711	29.323.935
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.726.617.107)	(5.717.253.873)
- Chi phí lãi vay	06		63.575.333	131.602.731
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.039.638.966	86.699.978.713
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		4.785.966.094	(2.908.954.553)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		29.033.901.672	(17.382.260.992)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		1.666.453.552	(12.247.239.440)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		992.339.792	1.243.616.492
- Tiền lãi vay đã trả	14		(63.575.333)	(131.602.731)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.403.623.467)	(10.121.069.670)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		483.400.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.422.061.328)	(12.074.213.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.112.439.948	33.078.254.657
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.393.252.349)	(1.374.812.188)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.758.440.653	5.582.934.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.134.811.696)	4.208.121.888
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.000.000.000)	(2.500.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.896.919.600)	(39.520.931.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.896.919.600)	(42.020.931.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.080.708.652	(4.734.554.955)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	97.621.552.925	102.356.107.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	115.702.261.577	97.621.552.925

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Hằng

Trần Quang Khải

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Mã chứng khoán: CLH

Nơi đăng ký giao dịch: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua hàng hóa, dịch vụ đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 450 người (Tại ngày 31/12/2023 là 494 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ tài chính năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi tiền gửi; phải thu từ người lao động về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, TNCN, các khoản phải thu khác ...).

2. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu (tiếp theo)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho các dịch vụ chưa hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	05 - 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

Trong năm 2024, công ty vẫn tiếp tục áp dụng khấu hao nhanh với hệ số là 2 cho một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, và thiết bị, dụng cụ quản lý.

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, phí sử dụng tài liệu, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng... và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, đoàn phí công đoàn, khoản phải trả khác...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Dự phòng phải trả công ty bao gồm chi phí hoàn nguyên môi trường.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đầy đủ.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông

Nguyên tắc ghi nhận quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ thường Ban quản lý điều hành công ty

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty, mức trích thường được gắn với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và kết quả xếp loại đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông).

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi.

Lãi tiền gửi: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, và sự kiện này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm”.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính của kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu: Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, vận chuyển...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Trong năm công ty phát sinh khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

16. Nguyên tắc kế toán thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.3.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính, do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	944.541.083	130.596.146
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.757.720.494	10.490.956.779
Các khoản tương đương tiền (i)	112.000.000.000	87.000.000.000
Cộng	115.702.261.577	97.621.552.925

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thái Nguyên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Thái Nguyên với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,4%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	69.500.000.000	40.000.000.000
Cộng	69.500.000.000	40.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng tại các ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thái Nguyên, Ngân hàng TMCP Quân đội - Thái Nguyên, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Thái Nguyên với mức lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,7%/năm.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu khách hàng là các bên thứ ba</i>		
Ủy ban nhân dân xã Dân Tiến	340.546.400	1.322.862.000
Ủy ban nhân dân xã Vũ Chấn	747.358.400	1.117.143.000
Ủy ban nhân dân xã Trảng Xá	360.319.200	854.601.000
Ủy ban nhân dân xã La Hiên	-	714.306.000
Ủy ban nhân dân xã Liên Minh	-	1.209.216.000
Ủy ban nhân dân xã Phương Giao	953.904.002	1.033.671.000
Ủy ban nhân dân xã Thần Sa	933.730.400	503.511.000
Ủy ban nhân dân xã Nghinh Tường	850.497.600	822.030.000
Ủy ban nhân dân xã Lâu Thượng	716.229.599	594.456.000
Các khách hàng khác	1.480.564.001	2.713.651.818
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	-	-
Cộng	6.383.149.602	10.885.447.818

Chi tiết tình hình trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	152.264.000	157.340.000
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	49.649.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(13.734.000)	(5.076.000)
Xoá nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	188.179.000	152.264.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>						
Hộ kinh doanh cá thể Lê Văn Cường	-	-	-	19.620.000	(13.734.000)	5.886.000
Phòng tài chính Huyện Phổ Yên	71.750.000	(71.750.000)	-	71.750.000	(71.750.000)	-
Công ty TNHH Yên Lạc	66.780.000	(66.780.000)	-	66.780.000	(66.780.000)	-
Công ty TNHH Hoàng Doanh	99.298.000	(49.649.000)	49.649.000	-	-	-
Cộng	237.828.000	(188.179.000)	49.649.000	158.150.000	(152.264.000)	5.886.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	940.291.098	536.802.026
Ký cược, ký quỹ	243.900.000	211.500.000
Lãi dự thu	1.560.830.509	592.654.055
Phải thu khác	473.482.966	1.065.280.359
Cộng	3.218.504.573	2.406.236.440
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	592.853.832	555.066.121
Cộng	592.853.832	555.066.121

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.763.379.185		28.111.554.655	-
Công cụ, dụng cụ	16.424.909	-	35.249.120	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.354.846.880	-	16.021.748.871	-
Cộng	15.134.650.974	-	44.168.552.646	-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
Chi phí xây dựng cơ bản				
<i>Dự án đầu tư máy nén khí</i>	-	3.185.559.853	3.185.559.853	-
<i>Dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền II</i>	279.115.918	7.207.692.496	7.486.808.414	-
<i>Sửa chữa Máy cán ép hai trục TRP 140-110</i>	179.000.000	-	179.000.000	-
<i>Trung đại tu máy lọc bụi tĩnh điện BS780</i>	-	1.916.742.105	1.916.742.105	-
<i>Trung đại tu máy Lọc bụi tĩnh điện Loại BS 930</i>	-	2.831.888.977	2.831.888.977	-
<i>Trung đại tu máy xúc Hyundai 450LC-7</i>	-	216.850.657	216.850.657	-
Cộng	458.115.918	15.358.734.088	15.816.850.006	-

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm ô tô	77.795.860	89.991.694
Cộng	77.795.860	89.991.694
b. Dài hạn		
Chi phí bồi thường GPMB	10.373.161.755	11.093.620.443
Phí bảo lãnh hợp đồng vay vốn	-	105.115.070
Phí bảo lãnh hợp đồng Điện	252.372.110	332.068.562
Phí sử dụng tài liệu	919.029.765	993.903.513
Cộng	11.544.563.630	12.524.707.588

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Thiết bị và Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	325.458.628.458	498.146.964.869	87.484.896.048	48.055.381.235	959.145.870.610
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.185.559.853	-	7.486.808.414	10.672.368.267
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	325.458.628.458	501.332.524.722	87.484.896.048	55.542.189.649	969.818.238.877
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ (*)					
Tại ngày 01/01/2024	(238.328.581.123)	(491.975.355.851)	(87.484.896.048)	(46.936.597.216)	(864.725.430.238)
Khấu hao trong năm	(9.277.975.816)	(4.351.663.125)	-	(1.494.542.806)	(15.124.181.747)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	(247.606.556.939)	(496.327.018.976)	(87.484.896.048)	(48.431.140.022)	(879.849.611.985)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	87.130.047.335	6.171.609.018	-	1.118.784.019	94.420.440.372
Tại ngày 31/12/2024	77.852.071.519	5.005.505.746	-	7.111.049.627	89.968.626.892

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	749.932.579.879	VND
Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:	-	VND
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:	-	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	1.632.274.438	1.632.274.438
Mua trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2024	1.632.274.438	1.632.274.438
Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
Tại ngày 01/01/2024	(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2024	(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.632.274.438 VND

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba	38.575.222.316	38.575.222.316	27.233.117.537	27.233.117.537
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bắc Thái	4.029.337.918	4.029.337.918	5.371.874.757	5.371.874.757
Công ty cổ phần công nghiệp thương mại Sông Đà	4.755.860.000	4.755.860.000	3.073.840.000	3.073.840.000
Công ty điện lực Thái Nguyên	4.255.216.454	4.255.216.454	-	-
Khác	25.534.807.944	25.534.807.944	18.787.402.780	18.787.402.780
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan	3.986.537.871	3.986.537.871	5.593.042.096	5.593.042.096
Cộng	42.561.760.187	42.561.760.187	32.826.159.633	32.826.159.633

(Chi tiết phải trả người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.3)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước là các bên thứ ba		
Hợp tác xã sản xuất - Dịch vụ Hoàng Thịnh Phát	243.596.081	388.517.765
Công ty TNHH Nghị Hương	287.732.780	822.741.230
Công ty TNHH thương mại Hoa Dũng	-	669.480.302
Công ty TNHH Tuổi trẻ Thái Nguyên	229.899.800	-
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Khai Lan Thăng Lợi	336.964.932	-
Các đối tượng khác	758.236.460	1.008.832.645
Khách hàng ứng trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	1.856.430.053	2.889.571.942

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

13.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	586.890.998	14.095.064.753	11.828.376.262	2.853.579.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.403.623.466	9.825.532.283	5.403.623.467	9.825.532.282
Thuế thu nhập cá nhân	332.388.059	1.285.817.097	1.307.252.224	310.952.932
Thuế tài nguyên	388.274.918	4.502.754.784	3.819.788.227	1.071.241.475
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.560.831.442	1.560.831.442	-
Phí bảo vệ môi trường	82.451.504	2.041.412.385	1.881.619.823	242.244.066
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	-	2.713.794.062	2.713.794.062	-
Cộng	6.793.628.945	36.025.206.806	28.515.285.507	14.303.550.244

13.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất nộp thừa	-	291.275.815
Cộng	-	291.275.815

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí điện năng tiêu thụ	-	4.003.650.024
Các khoản khác	300.441.200	932.864.719
Cộng	300.441.200	4.936.514.743

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức trả cổ đông	889.762.150	586.681.750
Các khoản khác	764.306.513	952.398.212
Cộng	1.654.068.663	1.539.079.962

16. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải trả phí hoàn nguyên môi trường	592.853.832	555.066.121
Cộng	592.853.832	555.066.121

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	2.500.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000	-	-
Vay dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2023	120.000.000.000	464.476.156	41.157.145.436	41.634.838.069	203.256.459.661
Lãi trong năm trước	-	-	-	47.118.162.905	47.118.162.905
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(39.600.000.000)	(39.600.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(14.034.838.069)	(14.034.838.069)
Tại ngày 31/12/2023	120.000.000.000	464.476.156	41.157.145.436	35.118.162.905	196.739.784.497
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	38.679.263.999	38.679.263.999
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	(19.200.000.000)	(19.200.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	(15.918.162.905)	(15.918.162.905)
Tại ngày 31/12/2024	120.000.000.000	464.476.156	41.157.145.436	38.679.263.999	200.300.885.591

(*) Theo Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 12/04/2024 về việc phân phối lợi nhuận năm 2023 Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, thực hiện trả cổ tức 31.200.000.000 VND (trong đó đã tạm ứng 12.000.000.000 VND năm 2023 và chi bổ sung 19.200.000.000 VND trong năm 2024), trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 15.656.316.905 VND, trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp 261.846.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP	61.659.600.000	61.659.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	58.340.400.000	58.340.400.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.200.000.000	39.600.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số đầu năm	Số trích lập thêm trong năm	Số đã sử dụng trong năm	Số cuối năm
Quỹ đầu tư phát triển	41.157.145.436	-	-	41.157.145.436
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.285.203.894	16.139.716.905	12.160.215.328	17.264.705.471
Quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp	-	261.846.000	261.846.000	-
Cộng	54.442.349.330	16.401.562.905	12.422.061.328	58.421.850.907

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	658.804.124.108	658.699.278.213
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.381.903.568	509.281.170
Cộng	661.186.027.676	659.208.559.383
Trong đó		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	659.240.437.676	659.208.559.383
Doanh thu bán cho bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số VII.3)	1.945.590.000	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	19.990.909
Cộng	-	19.990.909

3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	566.015.076.313	556.653.605.950
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	867.328.726	125.533.265
Cộng	566.882.405.039	556.779.139.215

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.726.617.107	5.706.160.106
Doanh thu tài chính khác	-	11.093.767
Cộng	4.726.617.107	5.717.253.873

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	63.575.333	131.602.731
Chi phí tài chính khác	105.115.070	105.115.068
Cộng	168.690.403	236.717.799

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	3.901.450.000	4.641.670.000
Chi phí vật liệu quản lý	1.047.959.614	1.963.222.884
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.328.932	27.585.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.427.387.352	1.910.520.777
Chi phí bằng tiền khác	5.909.896.376	4.428.358.283
Cộng	12.297.022.274	12.971.357.743

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	22.649.248.000	19.849.608.000
Chi phí vật liệu quản lý	820.784.238	431.611.358
Chi phí đồ dùng văn phòng	343.646.422	358.763.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.340.849.701	1.290.058.031
Chi phí bằng tiền khác	12.830.084.249	12.496.340.812
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	49.649.000	-
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi	(13.734.000)	(5.076.000)
Cộng	38.020.527.610	34.421.305.356

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	133.696.825	103.172.269
Cộng	133.696.825	103.172.269

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế và tiền phạt vi phạm hành chính	9.000.000	192.909.273
Chi phí thiết kế bản vẽ thi công mô sét Cúc Đường	-	162.000.000
Chi phí khác	163.900.000	12.650.000
Cộng	172.900.000	367.559.273

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm nay	9.825.532.283	12.403.623.467
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	711.128.858
Cộng	9.825.532.283	13.114.752.325

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	48.504.796.282	60.232.915.230
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	622.865.134	1.785.202.105
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>622.865.134</u>	<u>1.785.202.105</u>
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	234.237.934	1.321.694.905
Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	388.627.200	463.507.200
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	49.127.661.416	62.018.117.335
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	49.127.661.416	62.018.117.335
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	9.825.532.283	12.403.623.467
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	711.128.858
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.825.532.283	13.114.752.325

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	410.254.029.978	388.731.692.519
Chi phí nhân công	92.489.460.895	89.762.325.322
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.124.181.747	32.023.390.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.851.437.055	56.367.863.829
Chi phí bằng tiền khác	39.394.057.585	31.795.467.435
Cộng	<u>607.113.167.260</u>	<u>598.680.739.795</u>

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.679.263.999	47.118.162.905
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	38.679.263.999	47.118.162.905
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành trong năm	(11.079.263.999)	(15.918.162.905)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	<u>2.300</u>	<u>2.600</u>

(*): Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000

(**): Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành thực tế được theo Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 12/04/2024. Việc xác định nêu trên làm lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 giảm từ 3.927 đồng/cổ phiếu thành 2.600 đồng/cổ phiếu.

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay ước tính là 11.079.263.999 VND, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay có thể thay đổi do ảnh hưởng của việc thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi sau phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2024.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Công cụ tài chính

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính.

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, vay và nợ, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu có rủi ro đã được trích lập dự phòng như số liệu đã trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMİ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.702.261.577	-	-	115.702.261.577
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.804.933.024	592.853.832	-	7.397.786.856
Đầu tư tài chính	69.500.000.000	-	-	69.500.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	(188.179.000)	-	-	(188.179.000)
Cộng	191.819.015.601	592.853.832	-	192.411.869.433

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2024				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	44.021.090.854	-	-	44.021.090.854
Chi phí phải trả	300.441.200	-	-	300.441.200
Cộng	44.321.532.054	-	-	44.321.532.054
Chênh lệch thanh khoản thuần	147.497.483.547	592.853.832	-	148.090.337.379

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.621.552.925	-	-	97.621.552.925
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.865.310.290	555.066.121	-	10.420.376.411
Đầu tư tài chính	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	(152.264.000)	-	-	(152.264.000)
Cộng	147.334.599.215	555.066.121	-	147.889.665.336

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 01/01/2024				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.500.000.000	2.500.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	37.185.802.088	-	-	37.185.802.088
Chi phí phải trả	4.936.514.743	-	-	4.936.514.743
Cộng	44.622.316.831	2.500.000.000	-	47.122.316.831
Chênh lệch thanh khoản thuần	102.712.282.384	(1.944.933.879)	-	100.767.348.505

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.702.261.577	97.621.552.925	115.702.261.577	97.621.552.925
Đầu tư tài chính	69.500.000.000	40.000.000.000	69.500.000.000	40.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.526.719.549	7.995.875.876	4.338.540.549	7.843.611.876
Phải thu khác	2.871.067.307	2.424.500.535	2.871.067.307	2.424.500.535
Tổng cộng	192.600.048.433	148.041.929.336	192.411.869.433	147.889.665.336
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán	42.367.022.191	32.757.150.184	42.367.022.191	32.757.150.184
Chi phí phải trả	300.441.200	4.936.514.743	300.441.200	4.936.514.743
Phải trả, phải nộp khác	1.654.068.663	4.428.651.904	1.654.068.663	4.428.651.904
Tổng cộng	44.321.532.054	47.122.316.831	44.321.532.054	47.122.316.831

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng đã trích lập.

2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 lĩnh vực kinh doanh là: Kinh doanh vật liệu xây dựng và sản xuất kinh doanh khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Lĩnh vực	Vật liệu xây dựng	Sản xuất kinh doanh khác	Tổng cộng toàn Công ty
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	658.804.124.108	2.381.903.568	661.186.027.676
Tổng doanh thu thuần	658.804.124.108	2.381.903.568	661.186.027.676
Chi phí kinh doanh	616.332.626.197	867.328.726	617.199.954.923
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	566.015.076.313	867.328.726	566.882.405.039
Chi phí bán hàng	12.297.022.274	-	12.297.022.274
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.020.527.610	-	38.020.527.610
Kết quả hoạt động kinh doanh	42.471.497.911	1.514.574.842	43.986.072.753
Thu nhập từ hoạt động tài chính	4.541.506.906	16.419.798	4.557.926.704
Lợi nhuận khác		(39.203.175)	(39.203.175)
Lợi nhuận trước thuế			48.504.796.282

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

3. Thông tin với bên liên quan

3.1 Danh sách bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty mẹ
Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
Công ty Cổ phần cơ khí vật tư, thiết bị áp lực VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty TNHH than Khánh Hòa VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Vật tư -TKV - Xi nghiệp vật tư Hòn Gai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần khách sạn Thái nguyên VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Trường Cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Trung tâm điều dưỡng ngành than	Công ty trong cùng Tổng công ty
Trường Quản trị kinh doanh Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Than Núi Hồng VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Quán triều VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi Nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Mỏ Than - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Đỗ Huy Hùng	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Minh Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Thu Hiền	Nguyên Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Quốc Bình	Nguyên Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Quang Khải	Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Bá Chức	Nguyên Phó Giám đốc
Ông Tống Thanh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trường	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trung Hợp	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.1 Danh sách bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Hoàng Thị Thúy	Nguyên thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng

3.2 Giao dịch với bên liên quan

a. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Huy Hùng	Phụ cấp HDQT	-	22.276.800
Ông Vũ Minh Tân	Phụ cấp HDQT	89.107.200	66.830.400
Bà Lê Thị Thu Hiền	Phụ cấp HDQT	-	18.720.000
Ông Hà Văn Chuyển	Phụ cấp IIDQT	74.880.000	74.880.000
Ông Trịnh Quốc Bình	Phụ cấp HDQT	-	18.720.000
Ông Nguyễn Xuân Hậu	Phụ cấp HDQT	74.880.000	56.160.000
Ông Trần Quang Khải	Phụ cấp HDQT	74.880.000	74.880.000
	Lương, thưởng BGD	490.998.463	480.168.000
Ông Phạm Mạnh Tiến	Phụ cấp HDQT	74.880.000	56.160.000
	Lương, thưởng BGD	430.700.407	421.200.000
Ông Lê Bá Chức	Lương, thưởng BGD	-	245.700.000
Ông Tống Thanh Sơn	Lương, thưởng BGD	430.700.407	210.600.000
Ông Nguyễn Thanh Trường	Lương, thưởng BGD	430.700.407	175.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Lương, thưởng Kế toán trưởng	331.878.890	381.186.000
Ông Phạm Trung Hợp	Lương, thưởng BKS	452.235.427	442.260.000
Bà Trần Thu Hương	Phụ cấp BKS	74.880.000	74.880.000
Bà Hoàng Thị Thúy	Phụ cấp BKS	-	18.720.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phụ cấp BKS	74.880.000	56.160.000

b. Giao dịch với bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Mua Than cám	129.393.748.342	147.528.523.630
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Chi phí quản lý mỏ Cổ tức được chia và đã trả	956.624.757 9.865.536.000	488.474.161 14.181.708.000
Công ty TNHH than Khánh Hòa VVMI	Mua đá thải	2.185.823.700	3.351.295.732
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Vật tư -TKV - Xi nghiệp vật tư Hòn Gai	Mua vật tư, dầu nhờn	368.769.465	578.022.000
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Chi phí nổ mìn phá đá với các mỏ	5.031.663.124	4.547.801.002
Công ty Cổ phần khách sạn Thái nguyên VVMI	Mua dịch vụ	1.284.212.965	1.262.186.834
Trung tâm điều dưỡng ngành than	Mua dịch vụ	1.157.827.259	988.779.818
Trường Quản trị kinh doanh Vinacomin	Mua dịch vụ đào tạo	37.373.535	154.219.000
Công ty Cổ phần cơ khí vật tư, thiết bị áp lực VVMI	Bán phế liệu Mua vật tư	1.945.590.000 890.150.000	- -
Công ty Cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Mua dịch vụ sửa chữa	217.118.657	2.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.2 Giao dịch với bên liên quan (tiếp theo)

b. Giao dịch với bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Mua vỏ bao	35.637.203.500	34.910.624.000
Công ty Than Núi Hồng VVMI	Mua dịch vụ	46.926.000	46.926.000
Trường Cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	Mua dịch vụ đào tạo	271.981.000	134.380.000
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Mua dịch vụ tư vấn	28.866.741	259.800.668
Công ty cổ phần xi măng Quán triều VVMI	Mua clinker	-	1.262.316.667
Công ty cổ phần Vật tư -TKV	Mua vật tư, dầu nhờn	328.937.315	-
Chi Nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Mỏ Than - TKV	Mua dịch vụ	172.120.407	-

3.3 Số dư với bên liên quan

Số dư chủ yếu với các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	3.986.537.871	5.593.042.096
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	3.413.118.500	3.808.227.200
Công ty TNHH than Khánh Hòa VVMI	-	378.993.561
Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Vật tư -TKV - Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	-	123.948.539
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	545.105.910	1.001.288.074
Công ty cổ phần Vật tư - TKV	28.313.461	-
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	-	280.584.722
Trả trước cho người bán	168.596.238	69.009.449
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	23.761.238	69.009.449
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Và Thiết Bị Áp Lực-VVMI	144.835.000	-

4. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.387.327.896	1.387.327.896
Trên 1 năm đến 5 năm	5.929.273.133	6.345.681.645
Trên 5 năm	17.834.180.649	18.805.100.032
Cộng	25.150.781.677	26.538.109.573

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính không có hoạt động hoặc sự kiện nào ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Hằng

Trần Quang Khải